

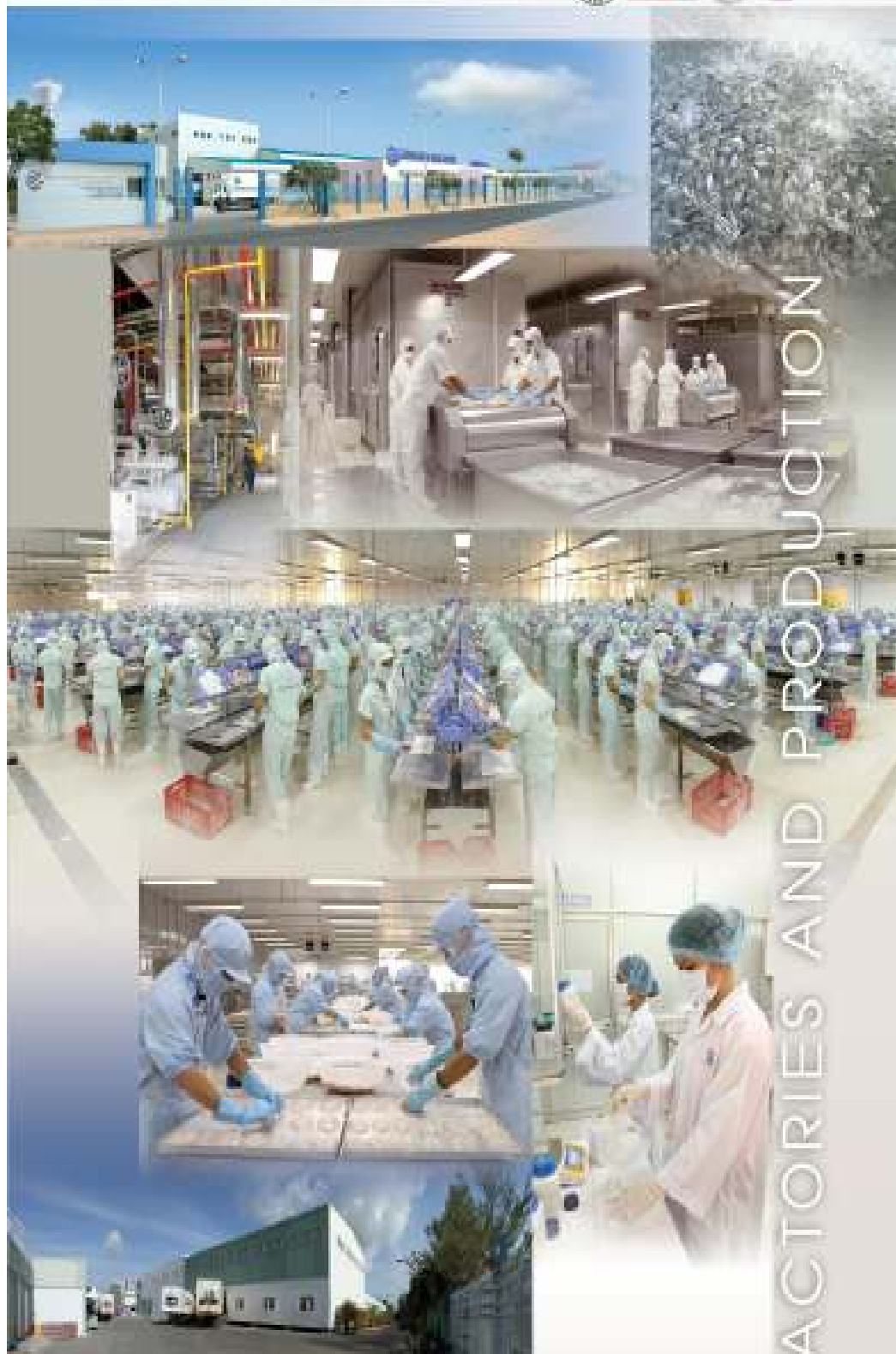


CL-FISH CORP.

Tel: + 84 76 3 932821 - Fax: + 84 76 3 932446

Email: clfish@vn.vn - pangfish@vn.vn

Website: www.clfish.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

www.clfish.com

I. THÔNG TIN CHUNG:



1. Thông tin khái quát:

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**
- ❖ Tên giao dịch: **CUULONG FISH JOINT STOCK COMPANY**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **1600680398**
- ❖ Vốn điều lệ: **183.996.750.000 đồng**
- ❖ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **183.996.750.000 đồng**
- ❖ Địa chỉ: **90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Mỹ Quý, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**
- ❖ Số điện thoại: **(84-76) 3931000 – 3935828**
- ❖ Số fax: **(84-76) 3932446 – 3932099**
- ❖ Website: [**www.clfish.com**](http://www.clfish.com)
- ❖ Mã cổ phiếu: **ACL**

2. Quá trình hình thành và phát triển:



- ❖ Tháng 02/2005 Cty TNHH XNK TS Cừu Long An Giang chính thức đi vào hoạt động với Vốn điều lệ 22 tỷ đồng.
- ❖ Tháng 04/2007 Cty TNHH XNK Thủy Sản Cừu Long An Giang chuyển đổi sang Cty Cổ Phần XNK Thủy Sản Cừu Long An Giang.
- ❖ Tháng 09/2007 Công ty chính thức niêm yết tại Sở GDCK Tp. HCM. Tại thời điểm chuyển đổi Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng.
- ❖ Tháng 07/2010 Công ty phát hành thêm 2.000.000 Cổ phiếu, nâng Vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng.
- ❖ Tháng 10/2011 Công ty phát hành thêm Cổ phiếu thưởng nâng Vốn điều lệ 183.996.750.000 đồng.



Phát huy nghề truyền thống, nghiên cứu tạo dựng lợi thế ngay tại vùng nguyên liệu, từ một công ty gia đình chuyên nuôi Cá tra/Basa. Hiện nay, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang đã trở thành công ty đại chúng uy tín, phát triển mạnh tiếp tục những bước đi vững chắc, tạo được niềm tin đối với nhà đầu tư và khách hàng bằng chính sản phẩm chất lượng, uy tín cùng sự nỗ lực vượt khó đi lên và ngày càng phát triển.





Ngay từ ngày đầu mới thành lập, CL-Fish đã xây dựng các quy trình công nghệ và áp dụng hệ thống quản lý khoa học, tiên tiến. Công ty đã đầu tư xây dựng phòng kỹ thuật với những trang thiết bị hiện đại, nhằm đảm bảo sản phẩm của công ty đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu về chất lượng và Vệ sinh ATTP theo các tiêu chuẩn HACCP, BRC, ISO 9001:2000, ISO 22000, IFS, Global Gap...cùng nhiều chứng nhận khác.

Ngày 10/10/2012 tổ chức cấp chứng nhận thủy sản **Global Trust** đã trao Chứng nhận Thực hành Nuôi trồng thủy sản Tốt nhất (**Best Aquaculture Practices - BAP**) cho Vùng nuôi và Nhà máy chế biến Cá tra của Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang (CL-Fish), đánh dấu bước ngoặt phát triển mới của công ty theo hướng sản xuất bền vững, tạo nên những sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng và thân thiện với môi trường.

Tiêu chuẩn **BAP** là sáng kiến do Liên minh Nuôi trồng thủy sản toàn cầu (GAA) đưa ra, bao gồm 5 nhóm tiêu chí bền vững: *thân thiện môi trường, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, an sinh động vật và trách nhiệm xã hội*.



Cùng với Trung Đông là thị trường XK cá tra lớn nhất của CL-FISH, từ tháng 9/2011 công ty bắt đầu XK cá tra sang thị trường Mỹ do đạt được mức thuế suất **0%** vào Thị trường Mỹ.

Có thêm chứng nhận **BAP**, trong thời gian tới kim ngạch xuất khẩu của CL-Fish sẽ có cơ hội tăng trưởng đáng kể. Thời kỳ khó khăn và bất ổn trong sản xuất và xuất khẩu Cá tra, mà nguyên nhân cơ bản nhất là do tình hình suy thoái kinh tế thế giới, sẽ dần qua. Những Doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trung thành với định hướng sản xuất sản phẩm chất lượng tốt vì lợi ích của khách hàng sẽ trụ vững và lại có cơ hội gặt hái thành công trong thời gian không xa – đó là niềm tin vững chắc của CL-Fish.



international
food standard



ISO 22000:2005



GLOBAL G.A.P.
The Global Partnership for Good Agricultural Practices

Các sự kiện quan trọng đánh dấu sự phát triển bền vững của CL-Fish:

- ✧ 02/2005: Cty TNHH XNK Thủy sản Cửu Long An giang chính thức đi vào hoạt động.
- ✧ 04/2007: chuyển đổi sang Cty Cổ Phần XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- ✧ 09/2007: Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM
- ✧ 06/2009: Đưa nhà máy thứ hai đi vào hoạt động.
- ✧ 05/2011: Trại nuôi CL –Fish đón nhận giấy chứng nhận Global Gap do Bureau Veritas cấp
- ✧ 03/2011: Đạt mức thuế suất **0%** vào thị trường Mỹ đồng thời Cty cũng là 1 trong 3 doanh nghiệp được phép xuất khẩu vào thị trường Braxin.
- ✧ 03/2012: Sáp nhập Cty CP Chế biến thức ăn thủy sản vào Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- ✧ 08/2012: CL-Fish nhận giấy chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn Bap-Best Aquaculture Practice) với cấp độ **“2 sao”** cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự chọn lựa của rất nhiều nhà phân phối bán lẻ ở Mỹ.
- ✧ 09/2012: đánh giá thành công ISO 22000; BRC và IFS Phiên bản 6.
- ✧ Hết Quý 1/2013 dự kiến nhà máy chế biến thức ăn thủy sản của CL-Fish đi vào hoạt động, hướng đến qui trình sản xuất khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng, chế biến xuất khẩu.
- ✧ Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn ASC trong nuôi trồng thủy sản và sẽ thực hiện đánh giá, lấy chứng chỉ vào đầu Quý 2/2013.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực: Khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu.

❖ **Sản phẩm chính** : Cá tra Fillet

❖ **Địa bàn kinh doanh** :

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Mỹ Quý, Tp Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

2. Địa bàn nuôi trồng thủy sản: tập trung tại các tỉnh An Giang và Đồng Tháp

4. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

a) **Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị của Cty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng Giám Đốc
- Các phòng ban chức năng

b) **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- Ban Giám đốc
- Phòng Tổ chức hành chánh
- Phòng Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Công nghệ
- Phòng Điều hành sản xuất
- Phân xưởng 1
- Phân xưởng 2
- Vùng nuôi nguyên liệu
- Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản

c) **Các công ty con, Cty liên kết: không có**



5. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Năm 2012 vừa qua là một năm khó khăn chung đối với ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu và tiêu thụ Cá tra. Do sự giảm sút của các nền kinh tế lớn trên thế giới đã tác động xấu đến thị trường tiêu thụ Cá tra Việt Nam. Trong nước các Doanh nghiệp phải đối mặt với việc thiếu vốn, cạnh tranh không lành mạnh, giá thức ăn tăng liên tục, giá trị xuất khẩu bị đẩy xuống thấp... Trước những thách thức trên mục tiêu chủ yếu hiện nay của Công ty là duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi Cổ đông để vượt qua cơn bão tài chính này.

Giữ vững hệ thống quản lý chất lượng, tự chủ hoàn toàn nguồn nguyên liệu, nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của các thị trường trên thế giới. Giữ vững lượng khách hàng truyền thống ổn định và lâu dài mà CL-Fish đã xây dựng trong những năm qua.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Dự kiến tháng 04/2013 nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản đi vào hoạt động, trên cơ sở đó Cty sẽ tiếp tục đầu tư theo chiều sâu Vùng nuôi nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế của nguồn nguyên liệu bằng hệ thống sản xuất khép kín toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm, chủ động cả số lượng, chất lượng và giá thành sản xuất, để đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Ngoài chính sách tiếp tục duy trì, giữ vững các thị trường truyền thống như Trung Đông, Châu Âu, Úc... CL-Fish lại có thể mạnh là thị trường Mỹ. Mặc dù Mỹ luôn được xem là thị trường khó tính nhất trên thế giới nhưng lại là thị trường lớn, có sức tiêu thụ mạnh, có giá xuất khẩu nằm trong top cao nhất để đảm bảo nguồn lợi nhuận của CL-Fish.

Để khai thác triệt để Thị trường Mỹ, Cty đảm bảo chất lượng luôn ổn định, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường, không ngừng tìm kiếm những nhà phân phối lớn tại Mỹ, đẩy mạnh quảng bá, tiếp thị hình ảnh thông qua các kỳ hội chợ thủy sản.

Năm 2013 Cty sẽ tăng sản lượng xuất khẩu vào thị trường Mỹ, tập trung phát triển thị trường này ước tính chiếm 40% tổng sản lượng xuất khẩu toàn nhà máy.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Hiểu rõ rằng thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động gây ô nhiễm môi trường vừa là một trong những điều kiện phát triển bền vững, đồng thời cũng là cách để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, Công ty luôn phân đầu hướng đến công nghệ xanh, xây dựng cảnh quan môi trường sạch đẹp, áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, Cty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải trên 5 tỷ đồng để bảo đảm nước thải đạt tiêu chuẩn A trước khi thải ra sông...

CL-Fish luôn quan tâm chăm lo cải thiện đời sống, thu nhập cho hơn 2.000 người lao động. Thực hiện tốt chế độ bảo hộ lao động, trang bị những kiến thức an toàn lao động gắn liền với phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động. Công ty còn thường xuyên đào tạo, hướng dẫn quy trình quản lý tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Về mặt xã hội, CL-Fish luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước cũng như đóng góp từ thiện hay xây dựng cộng đồng.



Các rủi ro

Nguyên nhân đầu tiên của những rủi ro mà cá tra và sản phẩm Cá tra của Việt Nam gặp phải trong thời gian qua, chính là sự phát triển quá nhanh loại sản phẩm này. Tuy nhiên sự tăng trưởng cực nhanh này lại đồng nghĩa với việc Cá tra Việt Nam vấp phải nhiều rào cản thương mại và bị cạnh tranh gay gắt ở nhiều thị trường quốc tế.



Những rủi ro với con cá tra ngoài yếu tố khách quan là sự cạnh tranh không lành mạnh của các cơ sở nhỏ lẻ trong nước do sự tăng trưởng quá nóng của Cá tra trong thời gian qua dẫn đến sự bùng nổ thiếu kiểm soát đối với mặt hàng này.

Yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là giá, bao gồm giá đầu vào và giá đầu ra. Hiện tượng phổ biến trên thị trường là giá các yếu tố đầu vào có xu hướng tăng liên tục, trong khi giá bán cá rất không ổn định, nhiều thời điểm xuống thấp dưới giá thành sản xuất.

Các yếu tố về chất lượng nguồn nước, bệnh cá, chất lượng giống, mưa bão, lũ lụt... đều có thể là nguyên nhân gây rủi ro cho sản xuất cá tra. Các yếu tố này có thể

làm cho tỷ lệ chết của cá nuôi cao, nguồn nước bị nhiễm mặn hoặc phèn hoặc bị bẩn/ đục, nguồn nước bị thiếu... làm gia tăng mức độ rủi ro cho hoạt động này, hậu quả là làm giảm sản lượng cá tra nuôi hoặc thậm chí bị mất toàn bộ sản lượng nếu mức độ rủi ro lớn...



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: (Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv)

a) Những yếu tố thuận lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng được mạng lưới khách hàng ổn định. Giữ vững thị trường truyền thống và không ngừng phát triển sang thị trường mới, đặc biệt là thị trường Mỹ.
- Có qui trình sản xuất khép kín toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm. Vùng nuôi lớn đáp ứng trên 60% nguyên liệu sản xuất, đạt chứng chỉ nuôi bền vững, có mối quan hệ tốt, uy tín với người nuôi... vì thế, nguồn nguyên liệu luôn ổn định.
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng được hầu hết những thị trường khó tính nhất.
- Đạt được thuế suất 0% vào Mỹ...

b) Những khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Môi trường ô nhiễm nặng nề, sản lượng nuôi bị giảm do cá bị bệnh.
- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cùng ngành đẩy giá xuất khẩu liên tục giảm dưới giá thành sản xuất.
- Thị trường tiêu thụ giảm do khủng hoảng kinh tế.
- Tất cả các chi phí đầu vào (phí vận chuyển, điện, nước, xăng dầu...) tăng mạnh, nhưng giá xuất khẩu không tăng thậm chí giảm mạnh...

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề).

Năm Chỉ số	2011	Kế hoạch 2012	Thực tế 2012	% thực tế 2012	% thực tế 2012 so với 2011
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	18.633	17.000	15.091	89%	81%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.288	1.290	1.032	80%	80%
Doanh thu xuất khẩu (triệu USD)	55,49	55	42,58	77%	77%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	119,06	50	17,41	34%	15%

❖ Nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch năm:

Cá tra Việt nam sau một thời gian tăng trưởng mạnh và quá nóng đã đồng nghĩa với việc thêm nhiều nhà máy chế biến thủy sản mới ra đời, ngay thời điểm cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn tiếp tục kéo dài và chưa có dấu hiệu hồi phục, sự bùng nổ thiếu kiểm

soát này đã dẫn đến cung vượt quá cầu, các nhà máy đã đua nhau giảm giá để giành thị trường.

Từ quý II/2012, khi tín dụng bị siết chặt đột ngột, hạn mức cho vay giảm mạnh, một số doanh nghiệp đã phải bán tháo hàng, nhằm thu hồi vốn, có nguồn trả lãi và vốn vay ngân hàng. Cùng với việc khủng hoảng nợ của các nước ở châu Âu tất cả các doanh nghiệp thủy sản Việt nam đều chuyển hướng đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Đông đã tạo nên sự cạnh tranh hết sức khốc liệt tại khu vực này (Thị trường chính của CL-Fish trong những năm qua) làm giá xuất khẩu giảm liên tục, bắt buộc Cty phải bán theo giá thị trường dù giá bán có dưới giá thành sản xuất.

Do giá trị xuất khẩu cá tra không ổn định, giá cả thay đổi liên tục nên khách hàng không dám đặt hàng nhiều như trước, cộng với việc phương thức thanh toán một số khách hàng không an toàn Cty cũng từ chối nhiều đơn hàng dẫn đến việc giảm lượng bán đáng kể.

Chi phí đầu vào như: Giá điện, nước, vật tư, bao bì, cước vận chuyển, thức ăn...gia tăng mạnh, trong khi chi phí đầu ra giảm làm hiệu quả kinh doanh giảm.

Môi trường chăn nuôi bị ô nhiễm làm chất lượng cá bị giảm (do dịch bệnh) nên chi phí định mức nguyên liệu chế biến tăng cao.

Tỷ giá USD năm 2012 ổn định nên dòng ngoại tệ thu về chuyển đổi ra VNĐ không được hưởng lợi như những năm trước...gây khó cho xuất khẩu.

2. Tổ chức về nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

a) Bà Trần Thị Vân Loan – Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/10/1971
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 139-141A tổ 48 đường 45, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh
(Trường Đại học Kinh tế Tp HCM)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 16,34%

b) Ông Trần Tuấn Khanh : Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/4/1978
- Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 70/6 Lê Triệu Kiết, Phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,87%

c) Bà Nguyễn Thị Bích Vân: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1982
- Địa chỉ thường trú : Tổ 14, Ấp Vĩnh Phúc, TT Cái Dầu, Châu Phú An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán kiểm toán (Trường ĐH Kinh tế Tp HCM)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,016%

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

– Số lượng Cán bộ Công nhân viên

- + **Số lượng Cán bộ Công nhân viên: 2.211 người**
- + **Chính sách đối với người lao động:**

- Trong nhiều năm qua CL-Fish luôn xây dựng tương lai trên nền tảng đảm bảo sự phát triển công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi nhân viên và sự đóng góp cho cộng đồng.
- Theo xu hướng tiến tới thành một công ty qui mô và vững vàng trong ngành sản xuất xuất khẩu, Công ty luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của người lao động, bởi chính điều đó mang đến hiệu suất làm việc tối ưu nhất.
- Điều kiện làm việc tốt và an toàn là ưu tiên hàng đầu, nhằm tạo được cảm giác làm việc thoải mái và an tâm cho toàn thể công nhân và CB-CNV. Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng hoàn thiện chính sách phúc lợi, tổ chức đào tạo sắp xếp nâng cao năng lực trình độ chuyên môn để mỗi thành viên của bộ máy sản xuất ngày càng gắn bó với sự phát triển chung của công ty, trở thành một phần không thể tách rời trên con đường xây dựng và duy trì thương hiệu của CLFISH trên toàn thế giới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) Các khoản đầu tư lớn: *(Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).*

- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Cty này hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 23/04/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An giang cấp với VDL là 32 tỷ đồng. Cty CP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang đã đầu tư 31.908.477.198 đồng tương đương 99,71% VDL (theo giấy phép là 100%).
- Ngày 30/03/2012, Cty đã nhận sáp nhập Cty con vào Công ty theo Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23/03/2012 của HĐQT và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/03/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	804.068.033.495	831.752.811.317	3,4%
Doanh thu thuần	1.288.040.580.290	1.032.194.837.449	(19,9%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	120.806.782.624	17.705.244.825	(85,3%)
Lợi nhuận khác	(1.750.373.777)	(293.171.571)	(83,3%)
Lợi nhuận trước thuế	119.056.408.847	17.412.073.254	(85,4%)
Lợi nhuận sau thuế	113.382.117.106	15.114.034.870	(86,7%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6.162	821	(86,7%)

b) Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất): **Không có**

c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,16	1,11	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,65	0,47	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,67	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,70	2,02	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	4,39	2,99	
Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,60	1,24	

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,80%	1,46%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	38,04%	5,49%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	14,10%	1,82%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,38%	1,72%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: (Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài).

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 18.399.675 cổ phần
- Số lượng cổ phần được mua lại: 0 Cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 18.399.675 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.149.675 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 250.000 Cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: (Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác).

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
- Cổ đông lớn và Cổ đông nhỏ	18.399.675	100%
+ Cổ đông lớn:	9.348.626	51%
+ Cổ đông nhỏ:	9.051.049	49%
- Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	18.399.675	100%
+ Cổ đông tổ chức:	1.393.994	8%
+ Cổ đông trong nước:	17.005.681	92%
- Cổ đông trong nước và Cổ đông ngoài nước:	18.399.675	100%
+ Cổ đông trong nước:	17.323.797	94%
+ Cổ đông ngoài nước:	1.075.878	6%
- Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:		
+ Cổ đông nhà nước	Không có	
+ Cổ đông khác		

- c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần):

Không có

- d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): **Không có**

- e) **Các chứng khoán khác:** (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.): **Không có**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty):

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- a) **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây** (Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012:

Năm Chỉ số	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% thực hiện 2012
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	17.000	15.091	88,77%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.290	1.032	80%
Doanh thu xuất khẩu (triệu USD)	55	42,58	77,41%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	50	17,41	34,82%

Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long An giang hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến xuất khẩu thủy sản. Đặc điểm nổi bật của Công ty là sử dụng nhiều lao động và kết quả kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng của biến động thị trường và tác động của nền kinh tế thế giới.

Năm 2012, xuất khẩu cá tra toàn ngành đạt 1,74 tỷ USD, giảm 3,4% so với năm 2011 và thấp hơn so với mục tiêu 1,8 tỷ USD do những khó khăn về nguồn vốn cho sản xuất, xuất khẩu, thị trường tiêu thụ trầm lắng, nguồn cung nguyên liệu thừa và giá trung bình xuất khẩu bị đẩy xuống thấp. Do bị ảnh hưởng lớn bởi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và sự cạnh tranh hết sức khốc liệt của các Công ty cùng ngành.

Ngoài ra đây cũng là một năm mà Công ty phải đối mặt với những tác động lớn do chi phí sản xuất tăng mạnh như: giá thức ăn nuôi trồng, giá điện nước, vật tư, bao

bì, xăng dầu, cước vận chuyển... trong khi giá trị đầu ra giảm làm hiệu quả kinh doanh giảm.

Từ quý II/2012, khi tín dụng bị siết chặt đột ngột, hạn mức cho vay giảm mạnh, một số doanh nghiệp cùng ngành đã phải bán tháo hàng, nhằm thu hồi vốn, có nguồn trả lãi và vốn vay ngân hàng, làm giá xuất khẩu giảm liên tục, bắt buộc Công ty phải bán theo giá thị trường dù giá bán dưới giá thành sản xuất.

Do giá trị xuất khẩu cá tra không ổn định, giá cả thay đổi liên tục nên khách hàng không dám đặt hàng nhiều như trước, cộng với việc phương thức thanh toán một số khách hàng không an toàn Cty cũng từ chối nhiều đơn hàng dẫn đến việc giảm lượng bán ra.

Năm 2012 lần đầu tiên kể từ khi thành lập, Công ty có mức lợi nhuận thấp nhất, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh thay đổi liên tục, Ban Giám đốc đã tìm mọi biện pháp cắt giảm chi phí, tăng cường công tác quản lý, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh cho phù hợp với tình hình thị trường, Mục đích để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống CB-CNV nhà máy vượt qua khó khăn chờ đợi thời cơ phát triển mạnh mẽ.

b) Những điểm bộ Cty đã đạt được:

- Sản lượng nguyên liệu tăng, có thể chủ động được nguồn nguyên liệu.
- Hệ thống hóa băng chuyền cấp đông IQF, sản phẩm đẹp, đáp ứng được đơn hàng lớn, cao cấp.
- Đạt chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn Bap-Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự chọn lựa của rất nhiều nhà phân phối bán lẻ ở Mỹ.
- Đánh giá thành công tiêu chuẩn ISO 22000, BRC và IFS Phiên bản 6.
- Đạt được thành công ở thị trường Mỹ trên cơ sở thuế suất 0%.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Vòng quay tài sản = $\text{Doanh thu thuần} / \text{Tổng tài sản bình quân}$
 $= 1,26$

(Vòng quay đạt 1.26 vòng có nghĩa là 1,26 đồng doanh thu được tạo ra từ 1 đồng vốn).

- Hiệu quả sử dụng tài sản = $(\text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{tổng tài sản bình quân}) \times 100$
 $\text{ROA} = 1,85\%$

Tỷ số cho biết hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của Doanh nghiệp, tỷ số này lớn hơn 0 có nghĩa Cty hoạt động có lãi.

b) Tình hình nợ phải trả:

- **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Công ty thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Hiện tại mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Do đó, không có biến động nào lớn về công nợ phải trả.

- **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong những năm qua, nền kinh tế dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng CL-Fish vẫn có mức tăng trưởng ổn định và bền vững.

Ngay từ ngày đầu đi vào hoạt động Cty luôn đặt con người là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành, phát triển và tồn tại của Doanh nghiệp. Năm 2012 Cty đã tiến hành cơ cấu các phòng ban kiện toàn công tác quản lý. Để người lao động có thể phát huy hết năng lực sáng tạo của mình Cty đã sắp xếp bộ máy nhân sự đơn giản tinh gọn dựa trên sự phân chia nhiệm vụ rõ ràng. Tạo sự cân xứng giữa nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của Người lao động.

Cty đã xây dựng hệ thống lương được xác lập dựa trên trách nhiệm, mức độ phức tạp công việc đảm nhận (*Đảm bảo tính công bằng*), có thể thu hút, khuyến khích và phù hợp với thị trường lao động (*đảm bảo tính cạnh tranh*). Chính sách, quy định trả lương, thưởng minh bạch, rõ ràng, gắn với hiệu quả thực hiện công việc của từng cá nhân và của cả tổ chức (*Đảm bảo tính Hệ thống*). Vì thế, luôn thu hút được nhiều nhân tài cũng như giữ được người lao động gắn bó lâu dài với nhà máy.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đạt tiêu chuẩn cao về vệ sinh an toàn thực phẩm từ con giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến xuất khẩu theo hướng tối ưu hóa qui trình sản xuất khép kín.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Duy trì hệ thống khách hàng truyền thống của CL-Fish.

19/03/2013 cơ quan DOC Mỹ đã công bố kết quả thuế suất trong đợt xem xét lần thứ 8 (POR 8) đối với các công ty xuất khẩu Cá tra vào thị trường Mỹ, tất cả các công ty xuất khẩu có tên trong đợt xem xét này đều bị đánh thuế suất với giá trị rất cao. Công ty không nằm trong đợt xem xét này nên vẫn giữ được mức thuế 0%. Đây là cơ hội lớn để Công ty đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2013.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu để tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu, nét văn hóa của từng khách hàng, từng khu vực để có chiến lược sản phẩm phù hợp, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, để đảm bảo ổn định đơn hàng, khai thác triệt để năng lực sản xuất để có sản lượng cao nhất.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng theo nhận định của nhiều chuyên gia Cá tra là loài cá nuôi có nhiều ưu điểm, sản lượng lớn, có quanh năm, ngon và giá cả hợp lý... do cuộc khủng hoảng toàn cầu, đời sống kinh tế khó khăn sẽ là cơ hội cho loại sản phẩm ngon, sạch, rẻ, chất lượng như Cá tra chiếm phần lớn sự lựa chọn của người tiêu dùng trên khắp thế giới. Đây là cơ hội to lớn để CL-Fish đẩy mạnh hoạt động sản xuất dựa trên các nguyên tắc cứng rắn về quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm. Điều kiện nhà xưởng là mối quan tâm hàng đầu để sản xuất thương hiệu Cá tra CL-FISH được chấp nhận ở tất cả các thị trường.

Trong năm 2013, Cá tra Việt Nam dự đoán đạt sản lượng không quá 900 ngàn tấn (giảm so năm 2012 trên 1,2 triệu tấn). Điều này cảnh báo các nhà máy sẽ gặp khủng hoảng do thiếu nguyên liệu để sản xuất. Dự báo trước được tình hình này, trong tháng 04/2013 nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản của công ty được đưa vào hoạt động, trên cơ sở đó Công ty sẽ tiếp tục đầu tư theo chiều sâu Vùng nuôi nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế của nguồn nguyên liệu. Bằng hệ thống sản xuất khép kín toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm, chủ động cả số lượng, chất lượng và giá thành sản xuất, để đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất, giúp công ty kiểm soát tốt các loại chi phí cũng như đảm bảo được chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng...

- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có**

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Có thể nói, chưa bao giờ nghề nuôi và sản xuất Cá tra lại lâm vào cảnh khốn khó như hiện nay. Chi phí đầu vào tăng cao làm đội giá thành sản xuất, nhưng giá trị đầu ra lại giảm mạnh dưới giá thành.

Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 đã không đạt kế hoạch đề ra cụ thể Doanh thu đạt 80%; Lợi nhuận đạt 34,82%. Tuy nhiên với tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 8,2% vốn điều lệ trong điều kiện nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều bất ổn, hàng loạt doanh nghiệp cùng ngành ngừng hoạt động thậm chí bị phá sản đã thể hiện sự cố gắng rất lớn của Ban Giám Đốc.

Cty vẫn duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001-2008; ISO 22000; BRC và IFS Phiên bản 6; Global Gap, BAP...

Cty vẫn ổn định đảm bảo đời sống CB-CNV, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ, đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Tổng giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Năm 2012 là năm rất khó đối với ngành xuất khẩu Cá tra. Vì thế, Ban giám đốc luôn đề ra nhiều biện pháp để đạt được kế hoạch đề ra, duy trì hoạt động của Công ty, theo dõi sát công tác quản lý chi phí càng chặt chẽ hơn, để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất, nguồn tài chính đảm bảo công khai minh bạch, bảo toàn nguồn vốn Cổ đông.

Mặc dù không đạt kế hoạch đề ra, nhưng Ban Giám đốc cố gắng hết sức trong việc giữ vững được thị trường, giữ được khách hàng truyền thống và không ngừng gia tăng khách hàng mới dù sản lượng xuất khẩu có giảm. Đạt được chứng chỉ nuôi bền vững cho Vùng nuôi và nhà máy, đã đầu tư và khai thác vùng nuôi một cách có hiệu quả nhất, đưa nhà máy thức ăn đi vào hoạt động đúng tiến độ, giảm giá thành sản phẩm tạo sức cạnh tranh với các Cty cùng ngành...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chính sách phát triển Cty định hướng đầu tư chiều sâu cho Cá tra theo qui trình sản xuất khép kín. Mở rộng phạm vi ở những lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Nuôi trồng thủy sản: với hai mục tiêu chính quản lý chất lượng và tự chủ nguồn nguyên liệu. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển chất lượng dinh dưỡng cá nuôi, bảo vệ môi trường nuôi trồng.

Trong các năm qua hoạt động nuôi trồng của Cty đã đạt được các chứng chỉ nuôi bền vững như Global Gap. Năm 2012 Cty đã đạt chứng chỉ Bap với tiêu chuẩn 2 sao cho Vùng nuôi và Nhà máy chế biến. Dự kiến Quý 2/2013 Cty sẽ thực hiện đánh giá lấy chứng nhận ASC.

Chế biến thủy sản: Gia tăng hàng giá trị gia tăng, thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường Mỹ (mục tiêu phát triển CL-Fish trong năm 2013).

Nhân sự: xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu quản lý công ty tùy từng thời kỳ.

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị:

- a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:** (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	TRẦN THỊ VÂN LOAN	Chủ Tịch HĐQT	16,34%	
2	TRẦN TUẤN KHANH	Thành Viên HĐQT	5,87%	
3	TRẦN VĂN NHÂN	Thành Viên HĐQT	5,72%	Không điều hành
4	TRẦN TUẤN NAM	Thành Viên HĐQT	5,72%	Không điều hành
5	TRẦN MINH NHỰT	Thành Viên HĐQT	5,72%	Không điều hành

- b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): **không có**

- c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:** đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/CLAG/2012	13/01/2012	- V/v Thực hiện chia thêm cổ tức năm 2011.
2	02/NQ- HĐQT/CLAG/2012	27/02/2012	- V/v Tổ chức Đại Hội cổ đông thường niên năm 2012.
3	03/NQ- HĐQT/CLAG/2012	23/03/2012	- Chuyển đổi loại hình công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn lên công ty Cổ Phần.
4	05/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2012	17/04/2012	- NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

Năm 2012, HĐQT có 4 cuộc họp và ban hành 4 nghị quyết về các vấn đề: chia thêm cổ tức năm 2011, tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2012, hoàn tất thủ tục sáp nhập Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản...Ngoài ra HĐQT còn phối hợp với Ban Tổng giám đốc Công ty về tình hình đầu tư triển khai dự án nhà máy thức ăn, mở rộng Vùng nuôi, tu bổ sửa chữa nhà xưởng, tình hình sản xuất, kinh doanh...nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết giải quyết các vấn đề của Công ty do sự bất ổn của nền kinh tế thị trường.

Giám sát công tác điều hành quản lý, sắp xếp cơ cấu tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn nhưng có hiệu quả cùng với định mức, đơn giá tiền lương hợp lý.

Giám sát, điều hành công việc kinh doanh, đầu tư có hiệu quả việc nâng cao năng lực sản xuất, nuôi trồng và chế biến xuất khẩu của Cty...

Vì thế, mặc dù còn nhiều khó khăn, không hoàn thành kế hoạch đề ra nhưng Cty ổn định sản xuất kinh doanh, được đánh giá là Cty có nguồn tài chính vững mạnh, có mối quan hệ tốt với các Sở ban ngành, các Ngân hàng, người nuôi, uy tín trên thị trường...vẫn đảm bảo đời sống CB-CNV. Có lực lượng lao động ổn định đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đang chờ cơ hội để vươn lên phát triển mạnh mẽ.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

03 thành viên HĐQT không điều hành, có nhiệm vụ và chức năng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Cty và sự phân công trong HĐQT. Ngoài ra các Thành viên HĐQT không điều hành là những cổ vấn cao cấp của Cty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật, những chuyên gia về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

HĐQT có năm thành viên, Hai thành viên điều hành có 01 thành viên là Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh ; 01 thành viên chuyên ngành Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu. Ba thành viên không điều hành là những người hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc nuôi trồng, chế biến thủy sản.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng Ban kiểm soát	0.0016%	
2	Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên BKS	0.016%	
3	Nguyễn Tấn Tới	Thành viên BKS	0.01%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát luôn phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty. Như tham

gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến về các kế hoạch, các giải pháp phát triển kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm...

Phối hợp HĐQT về việc tổ chức điều hành Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo qui định của pháp luật và điều lệ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: *(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).*

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tiền lương	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng cộng
1	Trần Văn Nhân	TV. HĐQT (Cố vấn cao cấp)	258.698.000	110.000.000	368.698.000
2	Trần Thị Vân Loan	Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	564.164.000	220.000.000	784.164.000
3	Trần Tuấn Khanh	TV. HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	181.587.000	106.000.000	287.587.000
4	Trần Tuấn Nam	TV. HĐQT			
5	Trần Minh Nhựt	TV. HĐQT			
6	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng ban kiểm soát	49.286.000	9.000.000	58.286.000
7	Nguyễn Tấn Tới	TV. BKS	78.080.000	32.200.000	110.280.000
8	Phạm Thị Hồng Ngọc	TV.BKS	124.415.300	34.000.000	158.415.300

Ghi chú: Ngoài lương và phụ cấp trách nhiệm theo công việc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao hay lợi ích nào khác từ Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):* **Không có**

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):* **Không có**

- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính: (Theo file đính kèm)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Vân Loan

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	14 - 43
8. Phụ lục	44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tiền thân là Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000065 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 11 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 06 năm 2010 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 1600680398 ngày 24 tháng 06 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012 về việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 4 năm 2012 về việc điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5: **183.996.750.000 VND**

Số lượng cổ phần: 18.399.675 CP

Mệnh giá: 10.000 VND/CP

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Trần Văn Nhân	1.052.437	10.524.370.000	5,72
Trần Thị Vân Loan	3.007.009	30.070.090.000	16,34
Trần Tuấn Khanh	1.079.436	10.794.360.000	5,87
Cổ đông khác	13.260.793	132.607.930.000	72,07
Cộng	18.399.675	183.996.750.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821

Fax : (076) 3.932.446

E-mail : clfish@vnn.vn

Website : www.clfish.com

Mã số thuế : 1600680398

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh);
- Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...);
- Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản;
- Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin);

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Chế biến thức ăn gia súc;
- Sản xuất bao bì;
- Cho thuê kho lạnh;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng;
- Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Theo Biên bản số 03/BB-HDQT/CLAG/2012 ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, thông qua việc chuyển đổi Công ty con là Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Theo đó, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang đã được chuyển đổi sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 20 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 12 năm 2011 và Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 17 tháng 4 năm 2012, lợi nhuận sau thuế năm 2011 được phân phối như sau:

- Trích lập các quỹ (Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi)	12%
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2%
- Thù lao Ban kiểm soát và nhân viên chủ chốt	1%
- Chi cổ tức (tính trên vốn điều lệ)	45%

Trong năm 2011, Công ty đã tạm trích lập các Quỹ và tạm ứng cổ tức 25%. Trong năm 2012, Công ty đã chi cổ tức đợt 2 cho các cổ đông như sau:

	Số tiền (VND)
Chi cổ tức đợt 2 năm trước (20% vốn điều lệ)	36.799.350.000
Cộng	36.799.350.000

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	07 tháng 6 năm 2010	-
Trần Văn Nhân	Thành viên	07 tháng 6 năm 2010	-
Trần Tuấn Khanh	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Trần Minh Nhựt	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-
Trần Tuấn Nam	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Huỳnh Lâm	Trưởng ban	19 tháng 4 năm 2011	17 tháng 4 năm 2012
Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng ban	17 tháng 4 năm 2012	-
Nguyễn Văn Tới	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-
Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 10 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0165/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2013, từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



[Signature]

[Signature]

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		600.572.377.073	582.384.169.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	9.990.690.435	31.508.039.371
1. Tiền		111		9.990.690.435	20.908.039.371
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	10.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		227.745.210.601	284.179.038.759
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	211.115.399.597	289.302.447.287
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	23.473.030.496	2.770.626.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	1.135.274.203	852.995.017
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.5	(7.978.493.695)	(8.747.029.645)
IV. Hàng tồn kho		140		345.651.813.445	259.248.485.864
1. Hàng tồn kho		141	V.6	345.651.813.445	259.248.485.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		17.184.662.592	7.448.605.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	1.056.607.540	573.194.175
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		15.864.768.822	6.626.846.579
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.8	263.286.230	248.564.904

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		231.180.434.244	221.683.863.843
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		223.147.759.144	184.840.926.244
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	120.312.318.149	123.798.027.059
<i>Nguyên giá</i>		222		178.864.765.925	167.902.348.607
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(58.552.447.776)	(44.104.321.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	53.439.970.934	54.366.182.122
<i>Nguyên giá</i>		228		58.461.610.862	57.790.795.381
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(5.021.639.928)	(3.424.613.259)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	49.395.470.061	6.676.717.063
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		3.600.000.000	31.447.261.392
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.12	-	31.908.477.191
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.13	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.14	-	(4.061.215.800)
V. Tài sản dài hạn khác		260		4.432.675.100	5.395.676.200
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.15	1.225.800.480	3.470.408.111
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262	V.16	896.520.620	654.760.091
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.17	2.310.354.000	1.270.508.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		831.752.811.317	804.068.033.491

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		556.528.395.262	505.973.112.080
I. Nợ ngắn hạn		310		539.710.390.397	498.766.447.660
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.18	422.811.403.832	403.252.891.940
2. Phải trả người bán		312	V.19	85.462.951.188	60.262.560.020
3. Người mua trả tiền trước		313	V.20	1.684.026.120	3.594.921.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.21	1.642.559.590	256.324.250
5. Phải trả người lao động		315	V.22	3.758.591.372	10.434.960.910
6. Chi phí phải trả		316	V.23	8.833.380.804	6.547.600.930
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.24	1.922.127.192	792.837.750
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.25	13.595.350.299	13.624.350.490
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		16.818.004.865	7.206.664.420
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.26	16.756.061.845	6.466.080.140
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.27	61.943.020	434.098.510
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.28	-	306.485.760
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		275.224.416.055	298.094.921.400
I. Vốn chủ sở hữu		410		275.224.416.055	298.094.921.400
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.29	183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.29	19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.29	2.571.767.056	2.275.469.500
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.29	17.437.617.397	16.696.873.500
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.29	51.298.057.402	75.205.604.200
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		831.752.811.317	804.068.033.480

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký ợc			-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			345.433,17	781.502,34
Euro (EUR)			322,58	320,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.033.667.439.257	1.292.239.188.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.472.601.808	4.198.607.718
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.032.194.837.449	1.288.040.580.290
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	904.719.129.316	1.047.123.400.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.475.708.133	240.917.179.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.316.944.029	40.005.347.131
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.705.580.419	50.484.117.495
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.367.445.859	44.046.434.792
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	60.271.450.928	68.934.939.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	29.110.375.990	40.696.686.697
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.705.244.825	120.806.782.624
11. Thu nhập khác	31	VI.7	538.590.522	25.086.374
12. Chi phí khác	32	VI.8	831.762.093	1.775.460.151
13. Lợi nhuận khác	40		(293.171.571)	(1.750.373.777)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.412.073.254	119.056.408.847
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	2.911.954.405	5.228.516.074
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(613.916.021)	445.775.663
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.114.034.870	113.382.117.100
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	821	6.16


Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.412.073.254	119.056.408.847
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	16.072.750.300	16.208.867.899
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(768.535.950)	12.808.245.45
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(299.157.073)	(1.516.289.75)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.233.677.055)	(1.370.491.37)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	27.367.445.859	44.046.434.79
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.550.899.335	189.233.175.85
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.578.248.124	(45.268.731.40)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(86.403.327.581)	(41.955.584.86)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		20.276.280.039	26.119.916.51
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.761.194.268	(2.087.581.94)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(27.116.170.568)	(44.242.379.12)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(1.592.834.880)	(3.973.650.28)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		903.518.640	1.040.900.00
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.419.694.998)	(7.204.704.80)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.538.112.379	71.661.359.93
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38.525.289.569)	(16.157.379.94)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.530.000.00
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		32.868.623	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.248.454.833	1.123.944.4
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.243.966.113)	(13.503.435.4)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

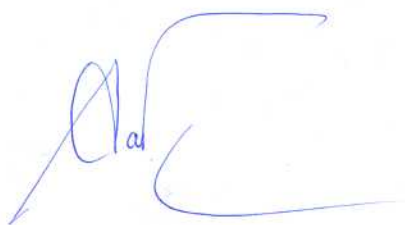
Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18, V.26	1.589.899.098.938	1.414.444.912.838
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.548.918.352.452)	(1.444.465.625.942)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(36.799.350.000)	(38.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.181.396.486	(68.520.713.092)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.524.457.248)	(10.362.788.632)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.508.039.371	42.193.145.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.108.312	(322.317.632)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.990.690.435	31.508.039.371



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 2.211 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.551 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Biên bản số 03/BB-HĐQT/CLAG/2012 ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, thông qua việc chuyển đổi Công ty con là Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Theo đó, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang đã được chuyển đổi sang Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 20 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 12 năm 2011 và Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị, thông qua việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	2%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%
• Quỹ thưởng Ban điều hành	Khen thưởng các thành viên quản lý chủ chốt trong Công ty	3%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
: 27.700 VND/EUR
31/12/2012 : 20.814 VND/USD
27.399 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	839.188.358	1.423.458.708
Tiền gửi ngân hàng	9.151.502.077	19.484.580.663
Khoản tương đương tiền	-	10.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	10.600.000.000
Cộng	9.990.690.435	31.508.039.371

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quwat Albahr For Trading	82.790.557.332	117.719.588.985
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	10.370.575.500	28.027.198.200
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	14.585.410.500	22.145.371.000
Meridian Products	3.709.054.800	21.623.179.715
Censea INC	3.898.878.480	17.617.988.640
Seaquest Seafood Corporation	9.177.974.928	6.524.532.417
Greenport Foods LLC	-	5.937.969.074
Grupo Almos S.A.DEC.V	6.488.764.500	5.462.143.000
Montkaura, S.L	4.416.751.614	4.419.722.428
Pasapesca S.A	1.481.133.606	4.098.126.653
Alliance Seafood Group	4.092.561.908	4.095.314.664
Maria Fish Market Company	1.384.131.000	4.030.218.000
Arabian Fisheries	-	3.611.508.550
B.O.R.Market S.A	-	3.549.091.200
Marine Harvest USA	7.367.531.580	3.126.949.296
Maria Group Co (Off Shore)	1.527.747.600	3.078.690.820
Pomona	-	2.979.237.120
Kimbex S.R.O	-	2.474.033.152
M.AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	4.413.463.002	2.393.512.104
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN	3.478.265.005	2.309.408.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Maria Foods Co S.A.R.L	1.865.350.680	2.203.185.840
Frigorifico Jahu LTDA	6.556.410.000	-
Kanpa International Sales	7.910.881.050	-
Natural Beef & Fish	2.639.215.200	-
Promark General Trading	2.768.262.000	1.062.228.000
Piazza's seafood World L.L.C	2.622.564.000	76.886.562
Shawaya House Co.	8.991.648.000	1.275.715.000
Universal Cold Store Trading Co.LTD	2.903.553.000	-
Mai Thị Bào Châu	2.228.299.520	-
Huỳnh Thị Hoàng Em	4.434.921.040	717.992.620
Các khách hàng khác	9.011.493.752	18.742.655.607
Cộng	211.115.399.597	289.302.447.287

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Tân Sanh	-	986.666.900
Công ty TNHH cơ khí xây dựng thương mại Tân Hoàng Tuấn	5.852.000.000	-
Công ty TNHH thiết bị lạnh & cách nhiệt TST	5.726.784.048	-
Công ty TNHH kỹ thuật cơ nhiệt Vinh Quang	4.876.212.000	-
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ chế biến xuất khẩu Thủy Sản	649.794.904	195.000.000
Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Nguyễn Văn Hoa	-	299.000.000
Phan Văn Rớt	-	100.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.436.888.844	258.608.500
Cộng	23.473.030.496	2.770.626.100

4. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng	-	14.777.778
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	515.844.003	218.787.039
Cộng	1.135.274.203	852.995.017

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	7.978.493.695	8.747.029.645
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	244.624.860	244.624.860
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.733.868.835	8.502.404.785
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	7.978.493.695	8.747.029.645

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	8.747.029.645
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(768.535.950)
Số cuối năm	7.978.493.695

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.867.368.774	5.653.504.432
Công cụ, dụng cụ	6.119.491.302	6.672.656.666
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	171.925.673.873	87.066.770.980
Thành phẩm	160.738.729.432	149.167.753.474
Hàng gửi đi bán	1.000.550.064	10.687.800.312
Cộng	345.651.813.445	259.248.485.864

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.056.607.540	573.194.175
Cộng	1.056.607.540	573.194.175

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.764.130.179	100.837.341.344	1.966.558.176	1.334.318.908	167.902.348.60
Tăng trong năm	8.538.214.248	1.327.910.000	683.423.250	412.869.820	10.962.417.31
Mua sắm mới	-	1.327.910.000	48.000.000	306.344.092	1.682.254.09
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.538.214.248	-	-	106.525.728	8.644.739.97
Nhận sáp nhập từ Công ty con	-	-	635.423.250	-	635.423.25
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	72.302.344.427	102.165.251.344	2.649.981.426	1.747.188.728	178.864.765.92
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.208.946.292	-	199.059.545	2.408.005.83
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.606.798.794	31.668.605.023	989.941.480	838.976.251	44.104.321.54
Tăng trong năm	4.201.920.561	9.550.052.265	485.625.603	210.527.799	14.448.126.22
Khấu hao trong năm	4.201.920.561	9.550.052.265	252.637.069	210.527.799	14.215.137.69
Nhận sáp nhập từ Công ty con	-	-	232.988.534	-	232.988.53
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	14.808.719.355	41.218.657.288	1.475.567.083	1.049.504.050	58.552.447.77
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.157.331.385	69.168.736.321	976.616.696	495.342.657	123.798.027.05
Số cuối năm	57.493.625.072	60.946.594.056	1.174.414.343	697.684.678	120.312.318.14

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay lần lượt như sau:

Ngân hàng cho vay	Tài sản thế chấp	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang	68.399.530.094	43.093.025.255
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	11.666.212.092	3.846.890.335
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam	60.894.450.775	44.839.131.801
Cộng	140.960.192.961	91.779.047.391

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	57.790.795.381
Tăng trong năm	670.815.481
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	670.815.481
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	58.461.610.862
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.424.613.259
Khấu hao trong năm	1.857.612.606
Điều chỉnh giảm số khấu hao năm trước	(260.585.937)
Số cuối năm	5.021.639.928
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	54.366.182.122
Số cuối năm	53.439.970.934

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay lần lượt như sau:

Ngân hàng cho vay	Tài sản thế chấp	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	2.649.841.350	2.649.841.350
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam	5.039.444.545	5.039.444.545
Cộng	7.689.285.895	7.689.285.895

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Nhận sáp nhập từ Công ty con	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	6.676.717.063	15.191.272.978	36.282.960.819	(9.315.555.457)	-	48.835.395
- Nhà máy chế biến thức ăn	-	15.191.272.978	13.722.927.115	-	-	28.914.200
- Phân xưởng 2	-	-	12.486.035.649	(63.784.802)	-	12.422.250
- Chi phí di dời 28 hộ dân dọc Sông Hậu	4.350.430.623	-	-	-	-	4.350.430
- Các hạng mục khác	2.326.286.440	-	10.073.998.055	(9.251.770.655)	-	3.148.513
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	688.304.720	-	(128.230.062)	560.074
Cộng	6.676.717.063	15.191.272.978	36.971.265.539	(9.315.555.457)	(128.230.062)	49.395.470

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	31.908.477.198
Cộng	-	31.908.477.198

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600928592 ngày 23 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp với vốn điều lệ là 32 tỷ VND. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã đầu tư 31.908.477.198 VND tương đương 99,71% vốn điều lệ (theo Giấy phép là 100%).

Ngày 30 tháng 3 năm 2012, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty con vào Công ty theo Biên bản số 04/BBH.2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng quản trị và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tô Châu (*)	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		3.600.000.000		3.600.000.000

(*) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/cổ phiếu.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	4.061.215.806
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(4.061.215.806)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con (Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang) do Công ty con sáp nhập vào Công ty Mẹ (Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang).

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	418.434.052	-	(418.434.052)	-
Công cụ dụng cụ	498.365.477	81.508.182	(294.876.339)	284.997.320
Phí thuê Luật sư vụ kiện chống bán phá giá vào Mỹ	2.553.608.584	-	(1.612.805.424)	940.803.160
Cộng	3.470.408.113	81.508.182	(2.326.115.815)	1.225.800.480

Theo kết quả từ phía Công ty Mayer Brown LLP, thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã thắng trong vụ kiện chống bán phá giá cá tra vào thị trường Mỹ và chính thức được xuất khẩu vào thị trường Mỹ với thuế suất 0%. Thời gian sử dụng ưu đãi thuế suất được duy trì đến năm 2013. Công ty đã phân bổ khoản chi phí thuê Luật sư là 2 năm.

16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	654.760.094
Phát sinh trong năm	241.760.526
Số hoàn nhập	-
Số cuối năm	896.520.620

17. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.310.354.000	1.270.508.000
Cộng	2.310.354.000	1.270.508.000

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	413.909.094.609	379.727.859.657
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)</i>	70.000.000	90.702.772.690
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)</i>	190.602.057.609	96.197.053.368
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)</i>	108.524.196.000	63.983.172.400
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp</i>	-	20.692.618.000
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam ^(d)</i>	77.875.581.000	58.210.547.425
<i>Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(e)</i>	36.837.260.000	49.941.695.774
Vay Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (không phải trả lãi)	-	10.690.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.902.309.223	12.835.032.288
Cộng	422.811.403.832	403.252.891.945

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung chi phí nuôi trồng, sản xuất và kinh doanh chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ròng trên sổ sách ít nhất bằng 3.000.000 USD, hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 1.500.000 USD và quyền sử dụng đất.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để thu mua, nhập khẩu nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ phương án kinh doanh hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	379.727.859.657	10.690.000.000	12.835.032.288	403.252.891.945
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.570.706.808.016	-	8.902.309.223	1.579.609.117.239
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.536.083.320.164)	-	(12.835.032.288)	(1.548.918.352.452)
Số tiền vay giảm do nhận sáp nhập từ công ty con	-	(10.690.000.000)	-	(10.690.000.000)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	(442.252.900)	-	-	(442.252.900)
Số cuối năm	413.909.094.609	-	8.902.309.223	422.811.403.832

19. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp cá nguyên liệu	40.378.204.500	35.388.036.900
Công ty cổ phần thủy sản Việt Thắng	-	14.529.404.719
Công ty TNHH sản xuất bao bì thương mại Nguyên Phước	1.410.248.400	1.310.876.765
Công ty TNHH hóa chất Thành Phương	420.750.000	824.450.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	34.073.747.925	3.340.832.670
Công ty công nghiệp Tân Á	875.738.600	968.273.350
Công ty cổ phần bao bì Thủy Sản	394.306.665	730.805.240
Các nhà cung cấp khác	7.909.955.098	3.169.880.380
Cộng	85.462.951.188	60.262.560.024

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Moussallem Bros Sarl	378.028.200	-
Mai Thị Bảo Châu	-	858.579.920
Công ty TNHH sản xuất thương mại Nguyệt Trang	720.033.382	811.015.680
Alfakher Company For Food Industries	-	1.216.038.614
Dallah Int'l Catering & Trading	-	260.350.000
Tropic Trade	16.579.088	183.203.088
Taitung Australia Pty Ltd	103.556.816	103.556.816
Tianjin Foodstuffs & EXP. Co., Ltd	251.060.712	-
Các khách hàng khác	214.767.922	162.177.222
Cộng	1.684.026.120	3.594.921.340

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	839.824.533	(839.824.533)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.467.695	2.911.954.405	(1.592.834.880)	1.514.587.220
Thuế thu nhập cá nhân	56.720.877	371.009.066	(299.757.573)	127.972.370
Thuế tài nguyên	4.135.680	43.578.120	(47.713.800)	-
Các loại thuế khác	-	29.609.796	(29.609.796)	-
Cộng	256.324.252	4.195.975.920	(2.809.740.582)	1.642.559.590

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu 0%, hàng tiêu thụ trong nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Năm 2009 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2012 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân do Công ty có sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.412.073.254	119.056.408.847
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.924.132.155	8.291.095.144
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.587.296.188)	(8.986.851.421)
Tổng thu nhập chịu thuế	21.748.909.221	118.360.652.570
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp không ưu đãi	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	4.621.904.883	23.672.130.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(1.045.090.816)	(11.836.065.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	(664.859.662)	(3.550.819.578)
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	(3.056.729.603)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>2.911.954.405</u>	<u>5.228.516.076</u>

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang.

Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn 06 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 93/CN.UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ngày 26 tháng 5 năm 2005.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người lao động	3.758.591.372	10.434.960.912
Cộng	<u>3.758.591.372</u>	<u>10.434.960.912</u>

Lương tháng 12 còn phải trả cho nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền điện thoại	17.807.875	14.109.270
Chi phí hoa hồng	72.969.440	1.999.291.088
Chi phí lãi vay ngắn hạn	679.642.426	428.367.135
Chi phí lưu kho	1.017.020.161	220.769.276
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	6.541.864.251	3.702.636.320
Chi phí vi sinh	145.425.091	100.876.000
Chi phí khác	358.651.560	81.551.849
Cộng	<u>8.833.380.804</u>	<u>6.547.600.938</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	755.252.522	253.885.750
Bảo hiểm xã hội	903.420.912	528.847.968
Bảo hiểm y tế	85.380.966	-
Bảo hiểm thất nghiệp	37.446.560	-
Phải trả khác	140.626.232	10.104.037
Cộng	1.922.127.192	792.837.755

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	5.089.835.927	592.595.112	(591.910.000)	5.090.521.039
Quỹ phúc lợi	2.445.386.451	148.148.778	(622.280.421)	1.971.254.808
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.089.128.118	444.446.334	-	6.533.574.452
Cộng	13.624.350.496	1.185.190.224	(1.214.190.421)	13.595.350.299

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang	-	6.466.080.146
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(*)	16.756.061.845	-
Cộng	16.756.061.845	6.466.080.146

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 14%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	8.902.309.223	12.835.032.288
Trên 1 năm đến 5 năm	16.756.061.845	6.466.080.146
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	25.658.371.068	19.301.112.434

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	6.466.080.146
Số tiền vay phát sinh	19.192.290.922
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(8.902.309.223)
Số cuối năm	16.756.061.845

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	434.098.515	86.373.784
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	347.724.731
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(372.155.495)	-
Số cuối năm	61.943.020	434.098.515

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	306.485.763
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	(39.695.250)
Hoàn nhập trong năm	(266.790.513)
Số cuối năm	-

29. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Chi trả cổ tức đợt 2 năm trước (20% mệnh giá)	36.799.350.000
Cộng	36.799.350.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.033.667.439.257	1.292.239.188.008
- Doanh thu bán thành phẩm	888.152.198.775	1.144.579.346.511
- Doanh thu bán phụ phẩm	145.384.024.082	147.615.120.927
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.216.400	44.720.570
Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.472.601.808)	(4.198.607.718)
- Hàng bán trả lại	-	(2.717.040.384)
- Giảm giá hàng bán	(1.472.601.808)	(1.481.567.334)
Doanh thu thuần	<u>1.032.194.837.449</u>	<u>1.288.040.580.290</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	886.679.596.967	1.140.380.738.793
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	145.384.024.082	147.615.120.927
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	131.216.400	44.720.570

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán	904.719.129.316	1.047.123.400.987
Cộng	<u>904.719.129.316</u>	<u>1.047.123.400.987</u>

Giá vốn hàng bán trong năm là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	878.483.891.881	968.164.330.661
Chi phí nhân công trực tiếp	54.450.238.242	61.705.552.120
Chi phí sản xuất chung	58.527.627.796	50.574.497.409
Tổng chi phí sản xuất	991.461.757.919	1.080.444.380.190
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(84.858.902.893)	1.260.974.162
Tổng giá thành sản xuất	906.602.855.026	1.081.705.354.352
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(11.570.975.958)	(42.316.917.242)
Giá vốn thành phẩm mua ngoài	-	7.366.032.000
Chênh lệch hàng gửi đi bán	9.687.250.248	368.931.877
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	<u>904.719.129.316</u>	<u>1.047.123.400.987</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	317.091.536	197.820.889
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	165.179.173	231.740.619
Lãi cho vay	1.916.585.519	1.183.239.208
Lãi bán ngoại tệ	53.684.000	-
Chiết khấu thanh toán	-	7.321.992
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.565.246.728	36.868.934.664
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	299.157.073	1.516.289.759
Cộng	<u>7.316.944.029</u>	<u>40.005.347.131</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.367.445.859	44.046.434.792
Lỗ bán ngoại tệ	30.267.051	510.429.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	307.867.509	1.866.037.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	4.061.215.806
Cộng	27.705.580.419	50.484.117.495

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vi sinh	2.577.126.146	2.954.192.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.694.324.782	65.980.747.116
Cộng	60.271.450.928	68.934.939.618

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.577.760.892	20.159.201.017
Chi phí vật liệu quản lý	15.494.182	22.035.332
Chi phí công cụ văn phòng	566.167.922	456.381.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.225.842	829.380.846
Thuế, phí và lệ phí	288.656.056	201.758.776
Chi phí dự phòng	(768.535.950)	8.866.982.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.737.394.038	8.495.111.975
Chi phí khác	1.800.213.008	1.665.834.605
Cộng	29.110.375.990	40.696.686.697

(*) Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu khuyến mãi	11.214.072	25.086.374
Thu hoàn nhập dự phòng	266.790.513	-
Điều chỉnh khấu hao tài sản cố định các năm trước	260.585.937	-
Cộng	538.590.522	25.086.374

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	42.165.945
Chi hỗ trợ	157.955.000	319.008.798
Chi mua quà biếu	66.164.202	276.498.306
Chi phí không chứng từ	267.847.823	511.850.031
Chi nộp phạt	238.500.000	162.311.587
Chi phí bồi thường	-	10.000.000
Chi phí khác	101.295.068	453.625.484
Cộng	831.762.093	1.775.460.151

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	347.724.731
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	98.050.934
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(241.760.526)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(372.155.495)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(613.916.021)	445.775.665

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.114.034.870	113.382.117.106
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.114.034.870	113.382.117.106
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	18.399.675	18.399.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	821	6.162

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.399.675	11.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	7.399.675
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.399.675	18.399.675

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.073.739.848	973.668.720.329
Chi phí nhân công	78.114.790.922	90.167.515.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.072.750.300	16.208.867.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.780.257.376	153.489.176.857
Chi phí khác	3.001.254.343	2.964.627.471
Cộng	1.109.042.792.789	1.236.498.908.194

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Phải trả tiền mua đất	-	13.624.699.000
Đã trả tiền mua đất	-	(13.624.699.000)
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Phải trả tiền mua đất và tài sản trên đất	-	2.500.000.000
Đã trả tiền mua đất và tài sản trên đất	(400.000.000)	(13.381.680.700)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	-	-
Các cá nhân có liên quan	-	400.000.000
Cộng nợ phải trả	-	400.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.377.366.600	1.498.338.650
Phụ cấp	547.200.000	719.766.950
Tiền thưởng	-	263.747.500
Cộng	1.924.566.600	2.481.853.100

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: thương mại, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.032.063.621.049	131.216.400	1.032.194.837.449
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.032.063.621.049	131.216.400	1.032.194.837.449
Chi phí bộ phận	(904.719.129.316)		(904.719.129.316)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	127.344.491.733	131.216.400	127.475.708.133
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(89.381.826.918)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	38.093.881.215
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	7.316.944.021
Chi phí tài chính	-	-	(27.705.580.419)
Thu nhập khác	-	-	538.590.521
Chi phí khác	-	-	(831.762.093)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(2.911.954.405)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	613.916.021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	15.114.034.877
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	38.735.027.813	-	38.735.027.813
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.398.866.115	-	18.398.866.115
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.278.904.181.079	9.136.399.211	1.288.040.580.290
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.278.904.181.079	9.136.399.211	1.288.040.580.290
Chi phí bộ phận	(1.039.712.648.417)	(7.410.752.570)	(1.047.123.400.987)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	239.191.532.662	1.725.646.641	240.917.179.303
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(109.631.626.315)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	131.285.552.988
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	40.005.347.131
Chi phí tài chính	-	-	(50.484.117.495)
Thu nhập khác	-	-	25.086.374
Chi phí khác	-	-	(1.775.460.151)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(5.228.516.076)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(445.775.665)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	113.382.117.100
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	20.041.032.925	-	20.041.032.925
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.782.400.618	-	17.782.400.618
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	145.515.240.482	147.615.120.927
Nước ngoài	886.679.596.967	1.140.425.459.363
Cộng	1.032.194.837.449	1.288.040.580.290

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	828.152.811.317	-	828.152.811.317
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			3.600.000.000
Tổng tài sản			831.752.811.317
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	556.528.395.262	-	556.528.395.262
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			556.528.395.262
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	772.620.772.103	-	772.620.772.103
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			31.447.261.392
Tổng tài sản			804.068.033.495
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	505.973.112.086	-	505.973.112.086
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			505.973.112.086

4. Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	296.845.500	296.845.500
Trên 1 năm đến 5 năm	1.187.382.000	1.187.382.000
Trên 5 năm	11.883.370.625	12.180.216.125
Cộng	13.367.598.125	13.664.443.625

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	-	-	-	9.990.690.435
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	199.476.284.895	-	-	11.639.114.702	211.115.399.597
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.445.628.203	-	-	-	3.445.628.203
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Cộng	216.512.603.533	-	-	11.639.114.702	228.151.718.235
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.508.039.371	-	-	-	31.508.039.371

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	276.546.412.835	-	-	12.756.034.452	289.302.447.287
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.372.067.921	-	-	-	2.372.067.921
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Cộng	314.026.520.127	-	-	12.756.034.452	326.782.554.579

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	85.462.951.188	-	-	85.462.951.188
Vay và nợ	422.811.403.832	16.756.061.845	-	439.567.465.677
Các khoản phải trả khác	8.974.007.036	-	-	8.974.007.036
Cộng	517.248.362.056	16.756.061.845	-	534.004.423.901
Số đầu năm				
Phải trả người bán	60.262.560.024	-	-	60.262.560.024
Vay và nợ	403.252.891.945	6.466.080.146	-	409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	16.992.665.887	306.485.763	-	17.299.151.650
Cộng	480.508.117.856	6.772.565.909	-	487.280.683.765

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 01 tháng 01 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	345.433	323	781.502	320
Phải thu khách hàng	9.812.837	-	13.800.407	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	111.000	-	61.000	-
Phải trả người bán	(47.805)	-	-	-
Vay và nợ	(17.377.200)	-	(3.051.450)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(7.155.735)	323	11.591.459	320

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+ 2%	8.646.429.529
	- 2%	(8.646.429.529)
Năm trước	+ 2%	5.528.071.851
	- 2%	(5.528.071.851)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách hạn chế các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty giảm/tăng khoảng 270.000.000 VND (năm trước giảm/tăng khoảng 270.000.000 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp nợ phải thu với giá trị tối thiểu là 3.000.000 USD để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (xem thuyết minh V.18).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	-	31.508.039.371	-	9.990.690.435	31.508.039.371
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	211.115.399.597	(7.978.493.695)	289.302.447.287	(8.747.029.645)	203.136.905.902	280.555.417.642
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.445.628.203	-	2.123.503.017	-	3.445.628.203	2.123.503.017
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	228.151.718.235	(7.978.493.695)	326.533.989.675	(8.747.029.645)	220.173.224.540	317.786.960.019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	85.462.951.188	60.262.560.024	85.462.951.188	60.262.560.024
Vay và nợ	439.567.465.677	409.718.972.091	439.567.465.677	409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	8.974.007.036	17.299.151.650	8.974.007.036	17.299.151.650
Cộng	534.004.423.901	487.280.683.765	534.004.423.901	487.280.683.765

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	19.920.224.200	4.403.279.903	11.008.199.758	84.482.978.440	229.814.682.301
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	113.382.117.106	113.382.117.106
Tăng vốn từ lợi nhuận	67.093.470.097	-	-	-	(67.093.470.097)	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	4.403.279.903	-	(4.403.279.903)	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ khen thưởng	2.500.000.000	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	2.275.469.500	5.688.673.749	(38.500.000.000)	2.500.000.000
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.114.034.870	15.114.034.870
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(36.799.350.000)	(36.799.350.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	296.297.556	740.743.890	(2.222.231.670)	(1.185.190.224)
Số dư cuối năm	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	51.298.057.402	275.224.416.055

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

